

PHỤ LỤC XXV/ APPENDIX XXV
MẪU BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ/CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

SAMPLE OF BIENNIAL/ANNUAL REPORT ON MANAGEMENT OPERATIONS OF FUND/SECURITIES INVESTMENT COMPANY

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
(Enclosed with the Circular No. 98/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 of the Minister of Finance)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Vietnam Fortune Fund Management JSC

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom - Happiness

Số/No: 02../2026/BC-VFCVND-TGD

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2026
Hanoi, 15th ..8. 2026

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ
Annual Report on management operation of Fund Management Company
Bán niên 2026 /Half year 2026

Kính gửi/To : - Ủy Ban Chứng khoán nhà nước / The State Securities Commission of Vietnam (SSC)
- Sở giao dịch chứng khoán TP HCM / Ho Chi Minh City Stock Exchange

1. Thông tin về quỹ/ Information about the fund

- a) Tên của quỹ, loại hình quỹ/ Name and type of Fund: **QUỸ ETF VFCVN DIAMOND**
b) Mục tiêu đầu tư của quỹ/ Investment objectives of the fund:

Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số VN DIAMOND/
The primary objective of the Fund is to replicate the performance of VN DIAMOND Index.

Quỹ ETF VFCVN DIAMOND sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu có sự thay đổi thì Quỹ ETF VFCVN DIAMOND sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số tham chiếu về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động./ *VFCVN DIAMOND ETF implements a passive investing strategy to carry out its preset investment objectives. When the underlying securities of Benchmark Index changes, VFCVN DIAMOND ETF shall adjust the Fund's portfolio to make it consistent with the Benchmark Index in terms of structure and weighting of assets. The Fund shall seek for obtaining a result which is similar to the Benchmark Index and shall not implement the defence strategy when the market is going down and shall not take its profits when the market is pricing too high. The passive investing is aimed to reduce the costs and make closer replication of Benchmark Index by keeping the Fund's turnover ratio lower than the turnover ratio of active fund.*



c) Thời hạn hoạt động của quỹ (nếu có)/ *Operating period of the fund (if any)*: Tính từ ngày được UBCKNN cấp giấy thành lập quỹ và không giới hạn về thời hạn hoạt động/ *The Fund has been operating since The State Securities Commission of Vietnam issued the Establishment registration certificate and the Fund has an indefinite life.*

d) Danh mục tham chiếu (nếu có)/ *Benchmark portfolio (if any)*: Danh mục chỉ số VN DIAMOND/ *VN VNDIAMOND Index portfolio*

e) Chính sách phân chia lợi nhuận/ *Profit distribution policies*:

Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho Nhà Đầu Tư.

During the period, the Fund did not distribute any profits to Investors.

f) Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành / *The number of outstanding Fund units*:

Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày 01/01/2026	5.600.000
---	-----------

Number of outstanding Fund units as at January 01, 2026

Tổng số lượng chứng chỉ Quỹ phát hành thêm trong kỳ	0
---	---

Number of Fund units issued within the period

Tổng số lượng chứng chỉ Quỹ mua lại trong kỳ	0
--	---

Number of Fund units redeemed within the period

Tổng số lượng chứng chỉ Quỹ tại ngày 30/06/2026	5.600.000
---	-----------

Number of outstanding Fund units as at June 30, 2026

g) Nội dung thay đổi tại Điều lệ quỹ/ *Changes to the Fund's Charter*: được đề cập trong Điều lệ được Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2026 của Quỹ ETF VFCVN DIAMOND thông qua ngày 22/04/2026. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của quỹ/công ty quản lý quỹ tại đường dẫn : **CBTT về việc sửa đổi Điều lệ quỹ – Quỹ ETF VFCVN DIAMOND (vietcat.com)**

*Amendments to the Fund's Charter in the reporting period: as mentioned in the Fund Charter attached to the Resolution of the 2026 Annual General Meeting of Investors of the VFCVN DIAMOND ETF Fund, adopted on April 22, 2026.. Details have been published on the Fund's website at **CBTT về việc sửa đổi Điều lệ quỹ – Quỹ ETF VFCVN DIAMOND (vietcat.com)***

h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo/ *Contents of the resolution of the General Meeting of Investors*:

Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2026 của Quỹ ETF VFCVN DIAMOND ngày 22/04/2026 đã thông qua các nội dung như sau : Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 của Quỹ VFCVNB; Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 của Quỹ VFCVND; Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 của Quỹ VFCVND; Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán cho Quỹ VFCVND năm 2026, lựa chọn Công ty TNHH hãng Kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Quỹ VFCVND; Thông qua thù lao Ban Đại Diện Quỹ đã chi trả trong năm 2025 và kế hoạch thù lao Ban Đại Diện Quỹ trong năm 2026; Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ. Thông tin này đã được công bố trên trang

thông tin điện tử Công ty quản lý Quỹ tại đường dẫn: **CBTT về Biên bản họp và Nghị quyết Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên năm 2026 – Quỹ ETF VFCVN DIAMOND (vietcat.com)**

*The Resolution of the 2026 Annual General Meeting of Investors of the VFCVN DIAMOND ETF Fund, dated April 22, 2026, approved the following contents: Approval of the audited financial statements for 2025 of the VFCVN DIAMOND Fund; Approval of the 2025 operational report and the 2026 operational plan of the VFCVN DIAMOND Fund; Approval of the profit distribution plan for 2025 of the VFCVN DIAMOND Fund; Approval of the selection of the auditing firm for the VFCVN DIAMOND Fund in 2026, selecting AASC Auditing Firm Co., Ltd. to audit the 2026 financial statements of the VFCVN DIAMOND Fund; Approval of the remuneration paid to the Fund's Board of Representatives in 2025 and the planned remuneration for the Board of Representatives in 2026; Approval of amendments and additions to the Fund's Charter. Detailed content is published on the website of the fund management company at the link: **Quỹ ETF VFCVN DIAMOND - Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến NĐT bằng văn bản và Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư năm 2025 (vietcat.com)**.*

- i) Ý kiến nhận xét của ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Thông tư hướng dẫn về hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán/ *Opinions of the supervisory bank about the contents specified in the Circular providing guidance on operations and management of securities investment funds:*

Công ty quản lý quỹ đã đáp ứng đúng các quy định tại Điều 79 Thông tư 98/2020/TT-BTC hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán/ *The fund management company has complied with the provisions of Article 79 of Circular No. 98/2020/TT-BTC, which provides guidance on the operation and management of securities investment funds.*

2. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ/ *Reporting on operations of the Fund*

- a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 30/06 của 3 năm gần nhất / *Information about the investment portfolio and the NAV of the Fund determined at 30th June of the latest 3 years*

Danh mục đầu tư được phân bổ theo tài sản như sau/ *the investment portfolio sorted by asset classes:*

Cơ cấu tài sản quỹ/ <i>Fund's assets structure</i>	30/06/2026
Danh mục chứng khoán cơ cấu/ <i>Investment portfolio</i>	98,25%
Tài sản khác/ <i>Other assets</i>	1,75%
Cộng/ <i>Total</i>	100,00%

Danh mục đầu tư được phân bổ theo ngành như sau/ *the investment portfolio sorted by sectors:*

Ngành	30/06/2026
Ngân hàng/ <i>Banks</i>	42,93%
Phần mềm & dịch vụ máy tính/ <i>Software & Services</i>	14,43 %
Bán Lẻ/ <i>Retail</i>	24,40%
Bất động sản/ <i>Real estate</i>	3,42%

Vận tải biển & Logistic/ <i>Shipping & Logistics</i>	7,93%
Xây dựng và vật liệu/ <i>Construction and materials</i>	3,14%
Điện/ <i>Electricity</i>	3,75%
Tổng/ <i>Total</i>	100,0%

Chỉ tiêu/ <i>Items</i>	30/06/2026
Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND). <i>Net asset value of the Fund (VND).</i>	60.255.582.134
Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ). <i>Total fund units in circulation (fund unit).</i>	5.600.000
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) (VND). <i>Net asset value per fund unit (VND/fund unit).</i>	10.759,92
Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND). <i>The highest net asset value per fund unit during the reporting period (VND/fund unit).</i>	12.276,02
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND). <i>The lowest net asset value per fund unit during the reporting period (VND/fund unit).</i>	10.339,57
Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND). <i>Day-end closing price of a fund unit at the reporting date (VND/fund unit).</i>	11.800,00
Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND). <i>The highest day-end closing price of a fund unit during the reporting period (VND/fund unit).</i>	12.280,00
Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND). <i>The lowest day-end closing price of a fund unit during the reporting period (VND/fund unit).</i>	10.710,00
Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ. <i>Total growth rate (%) per fund unit.</i>	-7,40%
Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá). <i>Capital growth rate (%) per fund unit (Change due to price fluctuation).</i>	-3,23%
Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện). <i>Income growth rate (%) per fund unit (Based on realised profits).</i>	-4,17%
Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ (VND). <i>Gross distribution per fund unit (VND).</i>	Không có/None

Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ (VND). <i>Net distribution per fund unit (VND).</i>	Không có/None
Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution). <i>Ex-date of distribution.</i>	Không có/None
Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%). <i>Operating expenses/Average NAV during the period (%)</i>	2,25%
Tốc độ vòng quay danh mục (%). <i>Turnover of investment portfolio (%)</i>	9,94%

- Tổng lợi nhuận của quỹ, nêu chi tiết phần lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) và phần lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi...) (giá trị thu nhập) như sau/ *Total profits of the Fund, including detailed information about profits accrued from the growth in securities price (capital gains) and profits accrued from yields on securities (dividends, coupons, deposit interests, etc.) (income value):*

STT No.	Chỉ tiêu Items	Giá trị Amount (VND)
1	Lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán / <i>Profits from the growth in securities price (capital gains)</i>	-4.803.949.195
2	Lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi...)/ <i>Profits accrued from yields on securities (dividends, coupons, deposit interests, etc.)</i>	756.638.650
3	Lợi nhuận thu được từ bán cổ phiếu/ <i>Profits from disposal of securities</i>	-63.042.455
4	Tổng chi phí/ <i>Total expenses</i>	704.082.216
5	Tổng lợi nhuận/ <i>Total Profits of the Fund</i>	-4.814.435.216

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ: Không.

Distributed profits per fund unit (net value and gross value) in the reporting period, including profits distributed in cash or by fund units; Time of profit distribution; NAV per fund unit determined before and after the profit distribution: None.

Thời điểm phân chia lợi nhuận; Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: Không.

Time of profit distribution; NAV per fund unit determined before and after the profit distribution: None.

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ/ *Profit indicator of the fund:*

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định:

Average annual profit of the fund earned during the reporting period shall be determined:

Tính tới ngày lập báo cáo <i>Up to reporting date</i>	Tổng lợi nhuận bình quân (VND) <i>Average annual Profit (VND)</i>
i) 1 năm hoặc tính từ thời điểm thành lập quỹ tới ngày báo cáo <i>1 year or from the date the fund was established to the reporting date</i>	3.447.525.934
ii) 3 năm/ 3 years	Không/None
iii) 5 năm/ 5 years	Không/None

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc/ *Other comparison criteria which must comply with the following rules:*

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: nguyên tắc xác định giá trị tài sản của Quỹ được quy định chi tiết trong Điều lệ Quỹ và sổ tay định giá của Quỹ.

Methods and rules for determination of value of assets and profits are consistently applied, publicly announced and audited by another independent organization: Methods and rules for determination of value of assets are described in the Fund Charter and Valuation Handbook of the Fund.

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: Bảng báo giá chứng khoán được cung cấp bởi các tổ chức cung cấp báo giá độc lập, uy tín trên thị trường.

Data and figures are provided by an independent organization: the quotations are provided by independent and reputable providers in the market.

d) Các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

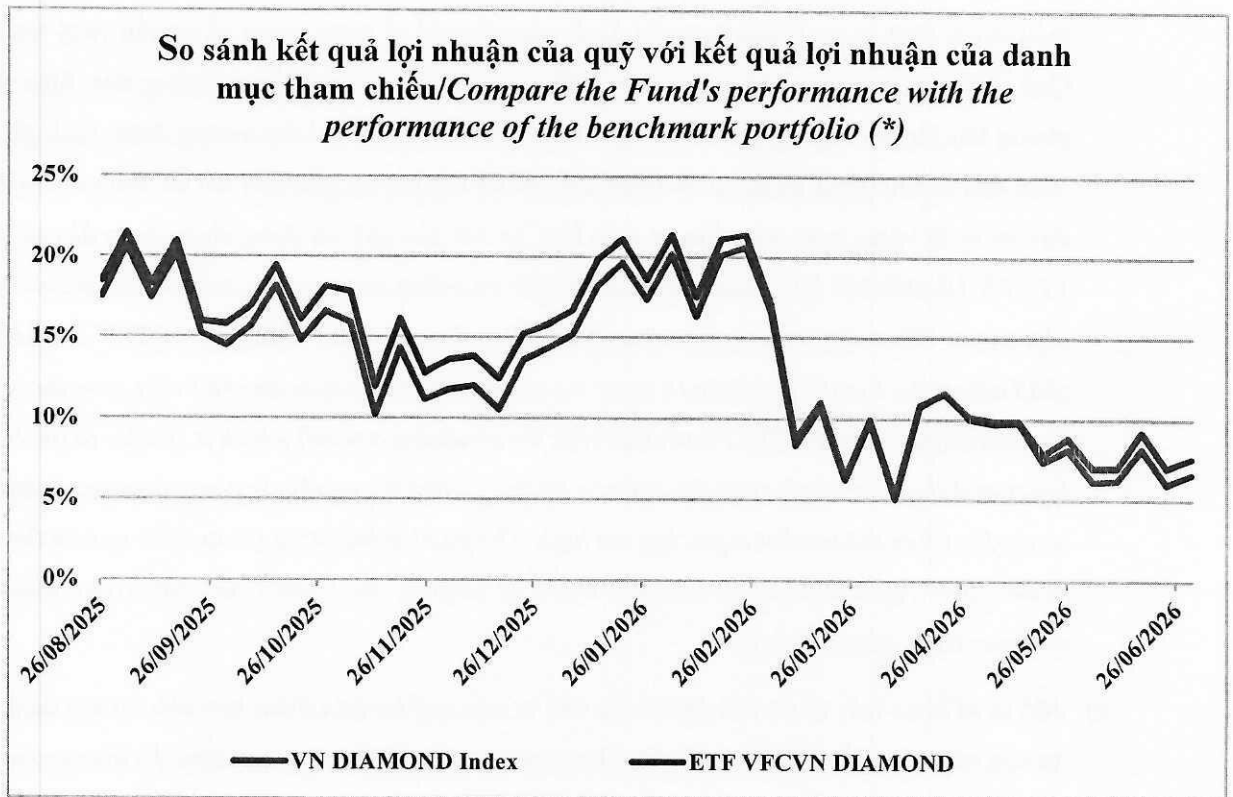
The previous information about operating results of the fund is for reference only and does not mean that the investor's profit from investment is guaranteed.

3. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ/ *Reporting on management of assets by the fund management company*

- Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ (nếu có) / *Explanations about the replacement of the fund management company (if any):* Không/None
- Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư/ *Explanations about the fulfillment of investment objectives by the fund:*

Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất kết quả hoạt động và sự biến động của chỉ số VN DIAMOND. Trong kỳ báo cáo, Quỹ đã đạt được mục tiêu đề ra khi mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu chỉ ở mức 0,73%/ *The objective of the fund is to replicate the performance of VN DIAMOND. During the reporting period, the fund achieved this objective with tracking error of 0.73% compared to benchmark index.*

- c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị)/ *Comparison between the profits earned by the fund and the benchmark portfolio's profits, underlying indexes specified in the prospectus of the same reporting period (via graph):*



(*) Thời điểm mốc so sánh 30/06/2025 (Ngày chốt DMCKCC thực hiện chào bán IPO).

(*) The benchmark date for comparison is June 30, 2025 (Date of closing the list of securities to be included in the initial public offering).

So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị)/ *Comparison between the profits earned by the fund and the benchmark portfolio's profits, underlying indexes specified in the prospectus in the prospectus for the period of 05 recent years, up to the reporting date (via graph):* Quỹ thành lập trong năm 2025 nên kết quả so sánh giống như tại đồ thị bên trên/ *The fund was established in 2025, so the comparison results are similar to those in the graph above.*

- d) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ/ *Description of investment strategies which have been applied by the fund during the reporting period. If the investment strategies applied during the period are different from those specified in the prospectus, explanations about such difference and*

assessment of advantages and disadvantages of the investment strategies applied during the period shall be provided:

Quỹ ETF VFCVN DIAMOND sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu có sự thay đổi thì Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục để phù hợp với danh mục của chỉ số tham chiếu về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động/
VFCVN DIAMOND ETF implements a passive investing strategy to carry out its preset investment objectives. When the underlying securities of Benchmark Index changes, VFCVN DIAMOND ETF shall adjust the Fund's portfolio to make it consistent with the Benchmark Index in terms of structure and weighting of assets. The Fund shall seek for obtaining a result which is similar to the Benchmark Index and shall not implement the defence strategy when the market is going down and shall not take its profits when the market is pricing too high. The passive investing is aimed to reduce the costs and make closer replication of Benchmark Index by keeping the Fund's turnover ratio lower than the turnover ratio of active fund.

- e) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo/ *Description of the difference between the investment portfolio of the fund at the reporting time and that in the year preceding the reporting year :*

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 30/06/2026 không có nhiều thay đổi so với cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề khi tỷ trọng đầu tư cổ phiếu chiếm trên 95%. Với đặc điểm quỹ ETF là quỹ thụ động mô phỏng theo chỉ số nên cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ cũng sẽ mô phỏng sát nhất theo danh mục chỉ số tham chiếu. Sự thay đổi cơ cấu danh mục của Quỹ giữa các thời điểm (nếu có) sẽ theo sự thay đổi cơ cấu tỷ trọng của cổ phiếu hoặc ngành sau các kỳ đánh giá lại danh mục của chỉ số tham chiếu do Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh công bố/ *The investment portfolio of the fund at 30/6/2026 remained largely unchanged compared to the previous year's portfolio, with equity weight accounting for over 95%,. Given that ETFs are passive index-tracking funds, their portfolio structure will closely mirror the benchmark index. Any changes to the ETF's portfolio structure (if any) will follow changes in the weighting of stocks or sectors after the index's portfolio reassessment periods announced by the Ho Chi Minh City Stock Exchange.*

- f) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này so với tại kỳ báo cáo gần nhất /*Analysis on operating results of the fund on the basis of comparison between the NAV per fund unit (after adjustment of the distributed profits, if any) in this reporting period and that in the previous reporting period:*

Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ tại ngày 30/6/2026 của Quỹ ETF VFCVN DIAMOND là 10.759,92 đồng, tăng khoảng 7,6% so với giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ tính tại ngày 30/6/2025 (ngày chốt danh mục chứng khoán cơ cấu thực hiện chào bán IPO), cùng thời gian đó chỉ số tham chiếu tăng tương ứng 6,6%.

VFCVN DIAMOND ETF net asset value per share as of 30/6/2026 was 10,759.92, increased 7.6% compared to net asset value per share as of 30/6/2025 (date of closing the list of securities to be included in the initial public offering), whilst the benchmark index increased 6.6% over the same period.

- g) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap)/ *Assessment of the market fluctuations during the reporting period, including foreign markets in which the fund makes investments, and the information about return on investment of each type of assets such as shares, blue-chips, small-cap stocks, etc.*

Thị trường chứng khoán Việt Nam khép lại 6 tháng đầu năm 2026 với diễn biến tích cực trong bối cảnh kinh tế vĩ mô duy trì đà tăng trưởng mạnh. VN-Index đóng cửa tại khoảng 1.860 điểm, tăng hơn 4% so với cuối năm 2025 và tiếp tục duy trì vùng đỉnh cao nhất kể từ năm 2022. Mặc dù mức tăng của chỉ số không còn đột biến như năm 2025, thị trường đã trải qua giai đoạn tích lũy cần thiết sau chu kỳ tăng trưởng mạnh trước đó, đồng thời phản ánh sự thận trọng của nhà đầu tư trước những biến động về thương mại toàn cầu, chính sách tiền tệ quốc tế và diễn biến địa chính trị. Đáng chú ý, diễn biến thị trường có sự phân hóa rõ nét giữa các nhóm ngành khi dòng tiền tập trung nhiều hơn vào các doanh nghiệp có nền tảng cơ bản tốt, được hưởng lợi từ đầu tư công, tiêu dùng nội địa và xu hướng phục hồi của hoạt động sản xuất./*The Vietnamese stock market delivered a positive performance in the first half of 2026 amid a resilient macroeconomic backdrop. The VN-Index closed at approximately 1,860 points, gaining more than 4% from the end of 2025 and remaining at its highest level since 2022. Although the pace of appreciation moderated compared to the exceptional rally recorded in 2025, the market entered a healthy consolidation phase following the previous year's strong gains, while reflecting investor caution toward global trade developments, international monetary policy, and geopolitical uncertainties. Market performance was increasingly differentiated across sectors, with capital flows concentrating on companies benefiting from public investment, domestic consumption, and the recovery of manufacturing activities.*

Thanh khoản thị trường tiếp tục duy trì ở mức cao với giá trị giao dịch bình quân đạt khoảng 29.000–30.000 tỷ đồng/phần, tương đương mức nền kỷ lục của năm 2025. Dòng tiền trong nước tiếp tục đóng vai trò động lực chính của thị trường khi số lượng tài khoản chứng khoán cá nhân vượt 13,3 triệu tài khoản, tăng hơn 1,5 triệu tài khoản chỉ trong vòng 6 tháng đầu năm. Bên cạnh đó, kỳ vọng về việc Việt Nam tiến gần hơn tới mục tiêu nâng hạng lên thị trường mới nổi tiếp tục là một trong những yếu tố hỗ

trợ tâm lý nhà đầu tư và thu hút sự quan tâm của các tổ chức đầu tư quốc tế./Market liquidity remained robust, with average daily trading value ranging between VND 29–30 trillion, broadly in line with the record levels observed in 2025. Domestic investors continued to serve as the primary driver of market activity, as the number of individual securities accounts surpassed 13.3 million, increasing by more than 1.5 million accounts during the first six months of the year. In addition, expectations regarding Vietnam's progress toward emerging market status remained a key investment theme, supporting investor sentiment and attracting growing interest from international institutional investors.

Trái ngược với sự tích cực của dòng tiền nội, khối ngoại tiếp tục duy trì trạng thái bán ròng trong nửa đầu năm 2026 do ảnh hưởng từ xu hướng tái cơ cấu danh mục toàn cầu, áp lực tỷ giá và sự hấp dẫn tương đối của các thị trường phát triển. Tuy nhiên, quy mô bán ròng đã giảm đáng kể so với giai đoạn 2024–2025, cho thấy áp lực rút vốn đang có dấu hiệu hạ nhiệt. Trong khi đó, hoạt động huy động vốn trên thị trường tiếp tục khởi sắc với tổng giá trị huy động đạt khoảng 173,8 nghìn tỷ đồng, tăng gần 46% so với cùng kỳ, phản ánh nhu cầu mở rộng đầu tư và sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong bối cảnh nền kinh tế tăng trưởng mạnh./In contrast to strong domestic participation, foreign investors remained net sellers during the first half of 2026, reflecting global portfolio reallocation trends, exchange-rate pressures, and the relative attractiveness of developed markets. Nevertheless, net outflows moderated significantly compared with the levels recorded in 2024–2025, suggesting easing capital withdrawal pressure. Meanwhile, capital raising activities continued to accelerate, with total funds mobilized through the capital market reaching approximately VND 173.8 trillion, up nearly 46% year-on-year, reflecting strong investment and expansion demand from Vietnamese enterprises.

Mặc dù mặt bằng định giá của VN-Index không còn ở mức hấp dẫn như giai đoạn đầu năm 2025, nhưng vẫn được đánh giá ở mức hợp lý khi đặt trong tương quan với tốc độ tăng trưởng lợi nhuận doanh nghiệp và triển vọng kinh tế vĩ mô. Với GDP 6 tháng đầu năm tăng 8,18%, sản xuất công nghiệp tăng trên 10% và đầu tư công tiếp tục được đẩy mạnh, lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết được kỳ vọng duy trì tăng trưởng hai chữ số trong năm 2026. Trong bối cảnh đó, thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục được đánh giá là một trong những thị trường có tiềm năng tăng trưởng hấp dẫn nhất khu vực Đông Nam Á, trong khi yếu tố chọn lọc cổ phiếu và chất lượng doanh nghiệp ngày càng trở thành yếu tố quyết định hiệu quả đầu tư./Although market valuations are no longer as attractive as those seen in early 2025, they remain reasonable relative to earnings growth prospects and Vietnam's economic outlook. With GDP expanding by 8.18% in the first half of 2026, industrial production growing by more than 10%, and public investment maintaining strong momentum, listed companies are expected to sustain double-digit earnings growth throughout 2026. Against this backdrop, Vietnam continues to stand out as one of Southeast Asia's most attractive equity markets, while stock selection and corporate quality increasingly become the key determinants of investment performance.

- h) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách)/ Information about full/partial

division of a fund unit in the period (if any); impacts of such division and NAV per fund unit (after the division): Không/ None.

- i) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ/ *Cases in which rights and benefits of holders of fund certificates are influenced*: Không/ None.
- j) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có)/ *Information about transactions made with individuals who have related rights and benefits (if any)*: Không/ None.

Nội dung giao dịch <i>Transaction details</i>	Mối quan hệ với Quỹ <i>Relationship with the Fund</i>	Giá trị giao dịch trong kỳ <i>Amount (VND)</i>
Phí dịch vụ quản lý, giám sát, quản trị, xử lý hồ sơ và lưu ký quỹ/ <i>Service Fees for Fund Management, Supervision, Administration, Documentation Processing and Custody</i>		457.569.350
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát/ <i>Vietnam Fortune Fund Management Joint Stock Company</i>	Công ty Quản lý Quỹ/ <i>Fund Management Company</i>	203.514.863
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành/ <i>Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Ha Thanh Branch</i>	Ngân hàng giám sát/ <i>Supervisory Bank</i>	254.054.487
Mua, bán, hoán đổi CCQ/ <i>Buy, sell, exchange fund certificates</i>		0
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát/ <i>Vietnam Fortune Fund Management Joint Stock Company</i>	Công ty Quản lý Quỹ/ <i>Fund Management Company</i>	0
Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV/ <i>BIDV Securities Joint Stock Company</i>	Thành viên lập quỹ/ <i>Authorized Participant</i>	0
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình/ <i>An Binh Securities Joint Stock Company</i>	Thành viên lập quỹ/ <i>Authorized Participant</i>	0

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong/ <i>Tien Phong Securities Corporation</i>	Thành viên lập quỹ/ <i>Authorized Participant</i>	0
Thù lao Ban đại diện Quỹ/ <i>Remuneration for the Fund's Representative Board</i>		66.000.000
Ban đại diện Quỹ/ <i>Fund's Representative Board</i>	Ban đại diện Quỹ/ <i>Fund's Representative Board</i>	66.000.000
Lãi tiền gửi/ <i>Interest on deposits</i>		478.650
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành/ <i>Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Ha Thanh Branch</i>	Ngân hàng giám sát/ <i>Supervisory Bank</i>	478.650

k) Các thông tin khác (nếu có)/ *Other information (if any): Không/None*

**4. Báo cáo về hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát/ *Reporting on operations of the
supervisory bank***

Ý kiến của Ngân hàng Giám sát về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Công ty quản lý quỹ trong quá trình vận hành và quản lý Quỹ đối với các nội dung sau/ *The Custodian Bank's assessment of compliance with legal regulations, the Fund's Charter, and the Prospectus by the Fund Management Company during the operation and management of the Fund is as follows:*

a) Thuyết minh về việc thay đổi ngân hàng giám sát (nếu có)/ *Explanation regarding any changes in the
Custodian Bank (if applicable):*

Không có/ *None.*

b) Việc lưu ký tài sản của quỹ/ *Custody of the Fund's Assets:*

Việc lưu ký tài sản của Quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ hoán đổi danh mục, Điều lệ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật có liên quan.

The custody of Fund's asset complies with prevailing securities regulations on exchange traded funds, the Charter, Prospectus of the Fund and other relevant legal documents.

c) Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch/ *Compliance with investment restrictions and borrowing limits as per legal regulations, the Fund's Charter, and the Prospectus:*

Công ty Cổ phần quản lý quỹ Việt Cát và Ngân hàng giám sát đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ ETF, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.

Viet Nam Fortune Fund Management Joint Stock Company and Supervisory Bank comply with the investment limits prescribed in the current legal documents on exchange traded funds, the Charter and Prospectus of the Fund and other relevant legal documents.

- d) Việc xác định giá trị tài sản ròng theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch/
Determination of the Fund's Net Asset Value (NAV) in accordance with legal regulations, the Fund's Charter, and the Prospectus:

Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

The valuation and assessment of the Fund's assets is in line with the Charter, Prospectus of the Fund and other relevant legal documents.

- e) Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ/ mua lại chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch/
Issuance and redemption of fund certificates in accordance with legal regulations, the Fund's Charter, and the Prospectus:

Trong kỳ, Quỹ đã thực hiện việc phát hành thêm và hoán đổi chứng chỉ quỹ tuân thủ theo quy định pháp luật liên quan hiện hành, quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch của Quỹ.

During the period, the subscription and exchange trade of Fund units complies with prevailing securities regulations on exchange traded funds, the Charter and Prospectus of the Fund.

- f) Việc phân chia lợi nhuận của quỹ là phù hợp với mục tiêu đầu tư của quỹ/
Profit distribution in alignment with the Fund's investment objectives:

Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

During the period, the Fund did not distribute profit to the investors.

- g) Hoạt động khác/
Other operations:

Không có/
None.

5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền/ *Reporting on authorized activities*

- a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ/
Payments made to the authorized parties, compared with profits, incomes and total operating expenses of the fund:

Chỉ tiêu <i>Items</i>	Tỷ lệ so với lợi nhuận <i>Compared with profits</i>	Tỷ lệ so với chi phí hoạt động <i>Compared with total operation expense</i>	Tỷ lệ so với thu nhập <i>Compared with Incomes</i>
Chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng <i>Transfer Agent Fee</i>	-1,37%	9,37%	9,52%
Chi phí dịch vụ Quản trị quỹ <i>Fund Administrative Fee</i>	-2,06%	14,06%	14,27%

- b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ/ *The impact (if any) of the delegation activity on the fund's profitability and risk level: Không/None*
- c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền/ *Total costs for performing authorized activities paid to the authorized party:*

STT No.	Chỉ tiêu Items	Giá trị Amount (VND)
1	Chi phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng <i>Transfer Agent Fee</i>	66.000.000
2	Chi phí dịch vụ Quản trị quỹ <i>Total costs for performing authorized activities paid</i>	99.000.000

- d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư/ *Assessment of the maintenance of the internal control system, risk management system, information confidentiality, technical facilities, hot stand-by system, disaster recovery system, etc. of the authorized party, which must ensure that the authorized activities will be thoroughly performed, and will not cause adverse influence on investors: Các bên nhận ủy quyền là các đơn vị có uy tín, kinh nghiệm trên thị trường; có hệ thống phần mềm, hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật đảm bảo theo quy định; có các phòng, bộ phận chức năng được thiết lập độc lập và hoạt động độc lập, tính bảo mật cao/ Authorized parties are reputable entities with experience in the market; possessing software systems, internal control systems, risk management systems, and technical infrastructure that meet regulations; and having independently established and operating functional departments with high confidentiality.*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Hạnh